

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2021/HNGĐ-ST
Ngày 20 tháng 4 năm 2021
V/v xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Nguyên Hồng.

2. Ông Cầm Văn Tổ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Duyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2021 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXX-ST ngày 16 tháng 03 năm 2021:

Nguyên đơn: Anh Quàng Văn C, sinh năm 1988. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản U, xã M,B, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Chị Cam Thị D, sinh năm 1992. Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Bản Un, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Quàng Văn C trình bày như sau:

Anh và chị Cam Thị D kết hôn với nhau từ năm 2014 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La vào ngày 24/11/2014. Sau khi kết hôn, hai anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 9 năm thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vào khoảng thời gian tháng 9 năm 2019 chị D tự ý bỏ đi không nói với anh và gia đình câu nào. Anh không biết chị D đi đâu, gia đình đã báo công an sợ chị D bị bắt cóc. Nhưng khoảng 2 tháng sau chị D liên lạc về nhà và nói đi làm thuê ở Hà Nội. Hai vợ chồng hòa thuận bình thường sau đó được hơn 1 tháng chị D kêu ốm và xin về nhà ngoại ở Quỳnh Nhai ở. Sau đó chị D không về nhà mà chỉ thỉnh thoảng liên lạc về nhà hỏi thăm con cái. Từ đó đến nay mặc

dù anh đã nhiều lần gọi điện yêu cầu chị D về giải quyết việc gia đình nhưng chị D không về. Xác định chị D không thực hiện tốt trách nhiệm của người vợ, người mẹ trong gia đình; không quan tâm, thương yêu chồng con. Hôn nhân vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng không thể kéo dài được. Vì vậy, anh đã đề nghị với chị D việc ly hôn khi trao đổi qua điện thoại nhưng chị D vẫn không về nhà. Tại phiên tòa, anh C đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Quang Huy, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Quàng Minh Hiếu, sinh ngày 17/7/2014. Từ khi sống ly thân hai cháu là do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu Huy và Hiếu anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D C dưỡng nuôi con chung cùng anh.

Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng: Anh C xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn tiến hành tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho chị D đến Tòa án để làm việc, niêm yết công khai tại nơi cư trú hợp pháp. Tuy nhiên chị D không có mặt, trốn tránh, gây khó khăn cho việc yêu cầu xin ly hôn của anh C.

Căn cứ Điều 208 BLTTDS và theo đề nghị của nguyên đơn, Tòa án đã tiến hành xác minh theo quy định về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, về con chung và tài sản chung, nợ chung để giải quyết vụ án xin ly hôn.

Do chị D vắng mặt tại các buổi làm việc của Tòa án. Anh C có đơn không đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải. Nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử.

Sau khi những người tham gia tố tụng phát biểu tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và đường lối giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các

quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị HĐXX quyết định:

Áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 60, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Khoản 1 Điều 228 Bộ Luật Tố Tụng Dân sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Quàng Văn C đối với chị Cam Thị D.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Quang Huy, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Quàng Minh Hiếu, sinh ngày 17/7/2014. Giao cháu Huy và cháu Hiếu cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục các cháu cho đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị D không phải C dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Anh C xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung. Nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh C phải chịu nộp án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Anh Quàng Văn C có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn đối với chị Cam Thị D: Địa chỉ: Bản Un, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn thụ lý vụ án Hôn nhân gia đình với quan hệ pháp luật tranh chấp xin ly hôn là đúng đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã xác minh đối với công an xã Mường Bon. Tại biên bản xác minh ngày 13/03/2021 thể hiện: Chị D vẫn đang có hộ khẩu thường trú tại bản Un, xã Mường Bon, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La, chưa làm thủ tục tạm vắng hoặc chuyển hộ khẩu đi nơi khác. Gia đình và chính quyền địa phương bản Un, xã Mường Bon xác nhận từ năm 2019 chị D bỏ đi về nhà bố mẹ đẻ đến tháng 4 năm 2020 nghe nói chị D đi làm công nhân thỉnh thoảng vẫn gọi điện về nhà hỏi thăm con cái nhưng không cho biết địa chỉ cụ thể mình đang ở đâu, làm gì. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mai Sơn không thực hiện được việc tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị D mà tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng về việc giải quyết yêu cầu xin

ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điều 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự. **Tại biên bản làm việc ngày 23/02/2021, trước sự chứng kiến của chính quyền địa phương đã xác định được chị D đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập cùng các quyết định khác của Tòa án.** Trước khi mở phiên tòa, Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập hợp lệ đối với các đương sự. Chị D được tổng đạt quyết định xét xử hợp lệ và vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị D.

[2]. Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Anh Quàng Văn C và chị Cam Thị D tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, anh chị đã được UBND xã Cà Nàng, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La C giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 24/11/2014. Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2019 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do chị D tự ý bỏ nhà đi từ tháng 9 năm 2019. Từ đó đến nay anh chị sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Chị D không về nhà chăm sóc con cái cùng chồng. Thậm chí còn đổi số điện thoại, không cho anh C và gia đình biết địa chỉ, chỉ thỉnh thoảng mới gọi điện về nhà hỏi thăm con cái. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh C, chị D mâu thuẫn đã rất trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Bảo, xử cho anh C được ly hôn với chị D.

[2.2] Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Quàng Quang Huy, sinh ngày 06/10/2010 và cháu Quàng Minh Hiếu, sinh ngày 17/7/2014. Từ khi sống ly thân hai cháu là do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh C có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục cả hai cháu cho đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu chị D C dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hội đồng xét xử thấy rằng: Từ khi ly thân, chị D không chăm sóc con cái. Các cháu đều do anh C trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Vì vậy để bảo đảm quyền lợi của con chưa thành niên cần giao cháu Huy và cháu Hiếu cho anh C trực tiếp chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu trưởng thành. Chị D không phải C dưỡng nuôi con cùng anh C do anh C không yêu cầu.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác nhận không có tài sản chung và nợ chung nên HĐXX không xem xét giải quyết. Nếu sau này phát sinh tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[2.5] Về án phí: Anh Quàng Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 266; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Quảng Văn C và chị Cam Thị D.

2. Về con chung: Anh Quảng Văn C và chị Cam Thị D có hai con chung là cháu Quảng Quang Huy, sinh ngày 6/10/2010 và cháu Quảng Minh Hiếu, sinh ngày 17/7/2014. Giao cháu Huy và cháu Hiếu cho anh Quảng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục cho các cháu đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị D không phải C dưỡng nuôi con chung cùng anh C do anh C không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị D được quyền thăm nom con theo quy định của pháp luật; không ai được quyền ngăn cản chị D thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Anh C xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không xem xét giải quyết. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được Tòa án xem xét thụ lý, giải quyết ở một vụ án khác.

4. Về án phí: Anh Quảng Văn C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0000184 ngày 22 tháng 02 năm 2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- Chi cục THADS huyện Mai Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Nga

